



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10.9



SONG DA 10.9

TÀI LIỆU

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

HÀ NỘI THÁNG 7 NĂM 2022

DANH MỤC TÀI LIỆU
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10.9



- 1) Chương trình Đại hội.
- 2) Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- 3) Báo cáo của HĐQT (bao gồm kết quả SXKD năm 2021, kế hoạch SXKD năm 2022)
- 4) Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021.
 - Báo cáo kiểm toán.
 - Bảng cân đối kế toán.
 - Báo cáo kết quả kinh doanh.
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- 5) Báo cáo tình hình kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021, kế hoạch năm 2022 của Ban kiểm soát.
- 6) Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.
- 7) Tờ trình việc chi trả tiền thù lao của HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch tiền thù lao năm 2022.
- 8) Tờ trình việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.
- 9) Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.



CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10.9

1. Thời gian tổ chức: Ngày 08/ 7/2022.
2. Địa điểm: Vị trí 7-8, Liên kề 3, Khu đô thị Đại Thanh, Tả Thanh Oai, Thanh Trì, Hà Nội.
3. Chương trình Đại hội:

TT	Nội dung	Thời gian	Thực hiện
I	- Đón tiếp đại biểu, phát phiếu biểu quyết, phát tài liệu. - Kiểm tra công tác thực hiện đăng ký quyền dự đại hội.	9h 00 ÷ 9h 10	Ban tổ chức
II	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu. - Mời đoàn Chủ tịch là các Thành viên HĐQT Công ty lên Điều hành Đại hội.		
III	Đoàn Chủ tịch điều hành Đại hội.		
1	Thông qua nội dung chương trình Đại hội.	9h 10 ÷ 9h 15	Đoàn Chủ tịch
2	Bầu (thông qua) thư ký Đại hội, ban thẩm tra tư cách cổ đông và kiểm phiếu.		
3	Thông qua quy chế làm việc của Đại hội.	9h 15 ÷ 9h 25	Đoàn Chủ tịch
4	Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông.	9h 25 ÷ 9h 30	Ban thẩm tra tư cách cổ đông
5	Báo cáo của HĐQT (bao gồm kết quả SXKD năm 2021, kế hoạch SXKD năm 2022).	9h 30 ÷ 9h 40	Đoàn Chủ tịch
6	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 2021	9h 40 ÷ 9h 45	Đoàn Chủ tịch
7	Báo cáo kiểm soát hoạt động SXKD năm 2021, kế hoạch 2022 của Ban kiểm soát.	9h 45 ÷ 9h 55	Ban kiểm soát

8	Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ.		
9	Tờ trình chi trả tiền thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch tiền thù lao của HĐQT, BKS năm 2022.	9h 55 ÷ 10h 05	Đoàn Chủ tịch
10	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022.	10h 05 ÷ 10h10	Ban kiểm soát
11	Đại hội thảo luận và biểu quyết các vấn đề đã được nêu ở trên.	10h 10 ÷ 10h 20	Đoàn Chủ tịch
12	Nghỉ giải lao	10h 20 ÷ 10h 40	
13	Thông qua kết quả kiểm phiếu.	10h 40 ÷ 10h 55	Ban kiểm phiếu
14	Thông qua biên bản cuộc họp.	10h 55 ÷ 11h 10	Ban thư ký
15	Thông qua nghị quyết Đại hội cổ đông.	11h 10 ÷ 11h 25	Đoàn Chủ tịch
16	Bế mạc Đại hội.	11h 25 ÷ 11h 30	Đoàn Chủ tịch

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10.9

Căn cứ :

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 10.9;
- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 10.9.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 10.9 xây dựng Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty cổ phần Sông Đà 10.9 như sau:

Điều 1: Đoàn Chủ tịch gồm 05 người là các thành viên trong Hội đồng quản trị đương nhiệm, Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ toạ Đại hội.

Điều 2: Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch.

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Hướng dẫn các cổ đông và Đại hội thảo luận.
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.

Điều 3: Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, quyết định theo đa số cổ phần của các cổ đông sở hữu.

Điều 4: Thư ký đại hội 01 người do Chủ toạ đại hội đề cử. Thư ký đại hội thực hiện dưới sự điều hành của Đoàn chủ tịch và chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tịch về nhiệm vụ của mình.

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội.
- Hỗ trợ Đoàn chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.

Điều 5: Ban thẩm tra tư cách cổ đông và kiểm phiếu của Đại hội gồm 3 người do Đoàn chủ tịch giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban thẩm tra tư cách cổ đông và kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp đồng thời có nhiệm vụ: Giám sát, tập hợp, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả kiểm phiếu trước đại hội.

Theo Điều lệ Công ty, Trưởng ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có số lượng cổ đông đến dự họp, đại diện trên [50%] tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 6: Cổ đông tham dự Đại hội.

Các cổ đông của Công ty có tên trong danh sách Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Sông Đà 10.9.

Các cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền tham dự Đại hội phải làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội.

Trong quá trình diễn ra Đại hội, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Khi ra ngoài hội trường phải chấp hành các quy định và theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức.

Cổ đông giữ bí mật, kỷ luật phát ngôn, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản, quản lý tài liệu, không sao chép ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tịch cho phép.

Người được uỷ quyền tham dự Đại hội không được uỷ quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

Điều 7: Phát biểu ý kiến trong Đại hội

Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn Chủ tịch (qua thư ký Đại hội) khi phát biểu hoặc cần tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn chủ tịch nhất trí mới được phát biểu ý kiến. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 3 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

Điều 8: Biểu quyết.

1. Mỗi cổ đông dự họp được phát 02 phiếu biểu quyết (01 phiếu màu xanh, 01 phiếu màu trắng) tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo nội dung của Đại hội.

2. Quy ước biểu quyết:

a) Phiếu biểu quyết màu xanh: Dùng để biểu quyết các nội dung sau đây:

- Biểu quyết thông qua chương trình Đại hội.
- Biểu quyết thông qua quy chế làm việc của Đại hội.
- Biểu quyết thông qua Ban kiểm tra tư cách cổ đông và kiểm phiếu.
- Biểu quyết thông qua Ban thư ký Đại hội.
- Biểu quyết thông qua Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội.
- Và biểu quyết các vấn đề khác tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết từng vấn đề theo sự điều khiển của Đoàn chủ tịch và theo trình tự trong nội dung chương trình Đại hội. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách biểu quyết trực tiếp. Trong trường hợp có ý kiến không tán thành hoặc có ý kiến khác với đề nghị của Đoàn chủ tịch, sẽ tiến hành kiểm phiếu và thông báo ngay tại đại hội trước khi tiến hành các công việc tiếp theo.

b) 01 phiếu biểu quyết màu trắng: Dùng để biểu quyết bằng cách tích ý kiến của mình vào 1 trong 3 ô vuông: tán thành, không tán thành, không có ý kiến gồm các nội dung sau:

- Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị Công ty (Bao gồm, kết quả SXKD năm 2021, kế hoạch SXKD năm 2022).

- Thông qua Báo cáo kiểm soát hoạt động SXKD 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát.
- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.
- Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021.
- Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc chi trả tiền lương, thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2022.
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022.

* Thể thức biểu quyết:

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tập hợp phiếu biểu quyết: " tán thành" , "không tán thành", " không có ý kiến". Kết quả kiểm phiếu được tổng hợp báo cáo bằng biên bản kiểm phiếu và được công bố ngay trước khi bế mạc Đại hội.

- Các vấn đề biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi: Đạt tỷ lệ trên [50%] tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

Điều 9: Cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Quy chế Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Sông Đà 10.9. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua để việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 thành công và tuân thủ theo đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty./

Nơi nhân:

- ĐHĐCĐ thường niên 2022.
- Lưu TCNS.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM VĂN PHÚ

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ TÀI CHÍNH
Năm 2021

TT	Chỉ tiêu	Đ/vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ hoàn thành	Kế hoạch năm 2022
A	B	C	1	2	$3=2/1 \times 100$	4
I	Giá trị Sản xuất kinh doanh	10³ đ	106.939.727	101.564.028	94,97	148.488.530
1	Giá trị kinh doanh xây lắp	10³ đ	105.712.746	100.353.818	94,93	146.251.244
-	Công trình Huội Quảng	10 ³ đ		700.716		
-	Công trình La Trọng	10 ³ đ	159.089	1.056.734	664,2	-
-	Công trình Iagrăng	10 ³ đ	5.362.037	3.577.228	66,7	-
-	Công trình Nậm Bùm 2	10 ³ đ	12.069.379	12.561.490	104,1	-
-	Công trình Đăk Ba	10 ³ đ	76.938.794	77.033.313	100,1	32.052.418
-	Công trình Nước Bươu	10 ³ đ	5.063.446	3.597.885	71,1	20.640.327
-	Công trình Nước Lương	10 ³ đ	-	-		75.058.499
	Các công trình khác	10 ³ đ	6.120.000	1.826.453	29,8	18.500.000
	<i>Công trình Hòn Tre</i>	10 ³ đ	<i>6.120.000</i>	<i>1.826.453</i>	<i>29,8</i>	<i>-</i>
	<i>Công trình khác</i>	10 ³ đ	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>18.500.000</i>
2	Giá trị SXKD ngoài xây lắp	10³ đ	426.982	302.710	70,90	237.286
-	Cho thuê TSCĐ & KD khác	10 ³ đ	200.000	133.833	66,9	150.000
-	Hoạt động tài chính	10 ³ đ	226.982	168.876	74,4	87.286
3	Hoạt động khác	10³ đ	800.000	907.500	113,44	2.000.000
II	Các chỉ tiêu kinh tế					
1	Doanh thu	10³ đ	101.638.145	93.313.907	91,81	119.040.354
	<i>Doanh thu xây lắp</i>	<i>10³ đ</i>	<i>100.502.073</i>	<i>92.198.364</i>	<i>91,74</i>	<i>116.962.327</i>
-	Công trình TĐ Huội Quảng	10 ³ đ	0	637.014		-
-	Công trình Thành Sơn	10 ³ đ	1.747.493	-	-	1.747.493
-	Công trình La Trọng	10 ³ đ	809.553	1.625.594	200,8	-
-	Công trình Trạm Tấu	10 ³ đ	6.868.374	-	-	6.868.374
-	Công trình Mông Ân	10 ³ đ	367.483	-	-	367.483
-	Công trình Iagrăng	10 ³ đ	5.413.361	3.790.807	70,0	-
-	Công trình Nậm Bùm 2	10 ³ đ	11.904.624	12.351.998	103,8	-
-	Công trình Đăk Ba	10 ³ đ	62.949.923	68.934.288	109,5	28.399.909
-	Công trình Nước Bươu	10 ³ đ	3.452.349	3.223.259	-	18.394.503
-	Công trình Nước Lương	10 ³ đ	-	-		45.174.096
-	Các công trình khác	10 ³ đ	6.988.912	1.635.403	23,4	16.010.470
-	<i>Tr. đó: Công trình Cổ Mã</i>	<i>10³ đ</i>	<i>1.016.627</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.016.627</i>
	<i>Công trình Hòn Tre</i>	<i>10³ đ</i>	<i>5.972.285</i>	<i>1.635.403</i>	<i>0,3</i>	<i>433.658</i>
	<i>Công trình khác</i>	<i>10³ đ</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>14.560.185</i>
2	Doanh thu ngoài xây lắp	10³ đ	408.800	290.543	71,07	226.175
-	Cho thuê TSCĐ & KD khác	10 ³ đ	181.818	121.667	66,9	138.889
-	Hoạt động tài chính	10 ³ đ	226.982	168.876	74,4	87.286
3	Hoạt động khác	10³ đ	727.273	825.000	113,44	1.851.852

TT	Chỉ tiêu	Đ/vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ hoàn thành	Kế hoạch năm 2022
A	B	C	1	2	$3=2/1 \times 100$	4
III	Thu tiền về tài khoản	10^3 đ	125.461.921	116.756.653	93,06	140.107.983
IV	Lợi nhuận	10^3 đ	2.647.150	1.074.739	40,60	2.359.690
1	Lợi nhuận xây lắp	10^3 đ	2.015.168	413.562	20,52	1.413.607
2	Lợi nhuận ngoài xây lắp	10^3 đ	226.982	168.925	74	94.231
-	Cho thuê TSCĐ & KD khác	10^3 đ	-	48,49		6.944
-	Hoạt động tài chính	10^3 đ	226.982	168.876	74,4	87.286
3	Hoạt động khác	10^3 đ	405.000	492.252	122	851.852
2	Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu	%	2,60	1,15	44,2	1,98
V	Lao động và tiền lương					
1	Tổng số CBCNV bình quân sử dụng	Người	169	158	93,5	182
-	Trong đó công nhân trực tiếp	Người	133	122	91,7	146
2	Thu nhập của CBCNV					
	Tổng quỹ tiền lương phải trả	10^3 đ	28.535.780	28.191.746	98,8	32.843.384
-	Tiền lương b/q CBCNV/tháng/người	10^3 đ	14.071	14.869	105,7	15.038
VI	Công tác đầu tư	10^3 đ				34.500.000

Hà Đông, ngày 10 tháng 01 năm 2022

Lập biểu



Lưu Thị Mến

Kế toán trưởng



Tạ Hoàng Cường

Giám đốc Công ty



Nguyễn Văn Bắc

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

Năm 2021

TT	Chỉ tiêu	Đ/vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ hoàn thành	Kế hoạch năm 2022
A	B	C	I	2	$3=2/I*100$	4
I	Giá trị Sản xuất kinh doanh	10^3 đ	106.939.727	101.564.028	94,97	148.488.530
II	Doanh số bán hàng (1+2)	10^3 đ	111.779.261	102.628.410	91,81	130.935.661
1	Doanh thu	10^3 đ	101.638.145	93.313.907	91,81	119.040.354
	- Xây lắp	10^3 đ	100.502.073	92.198.364	91,7	116.962.327
	- Sản xuất kinh doanh khác	10^3 đ	181.818	121.667	66,92	138.889
	- Doanh thu tài chính	10^3 đ	226.982	168.876	74,4	87.286
	- Hoạt động khác	10^3 đ	727.273	825.000	-	1.851.852
2	Thuế GTGT đầu ra (VAT)	10^3 đ	10.141.116	9.314.503	91,85	11.895.307
III	Thu tiền về tài khoản	10^3 đ	125.461.921	116.756.653	93,06	140.107.983
IV	Lợi nhuận	10^3 đ	2.647.150	1.074.739	40,6	2.359.690
I	Mức lợi nhuận	10^3 đ	2.647.150	1.074.739	40,60	2.359.690
	- Xây lắp	10^3 đ	2.015.168	413.562	20,5	1.413.607
	- Sản xuất kinh doanh khác	10^3 đ	0	48		6.944
	- Hoạt động tài chính	10^3 đ	226.982	168.876	74,4	87.286
	- Hoạt động khác	10^3 đ	405.000	492.252	-	851.852
2	Tỷ suất lợi nhuận	%				
	- Lợi nhuận/ doanh thu	%	2,60	1,15	44,2	1,98
	- Lợi nhuận/ vốn chủ sở hữu	%	4,4	1,8	41,6	3,9
	- Lợi nhuận/ vốn điều lệ	%	7,1	2,9	40,6	6,3
V	Tỷ lệ cổ tức/VĐL	%	5,0	-	-	5,0
VI	Các khoản nộp nhà nước					
I	Các khoản phải nộp nhà nước (a+b)	10^3 đ	5.972.364	6.451.004	108,0	5.710.388
a	Các khoản phải nộp Ngân sách	10^3 đ	3.528.460	4.113.895	116,6	3.256.423
	- Thuế GTGT phải nộp	10^3 đ	2.709.569	3.534.434	130,4	2.358.193
	+ Thuế GTGT đầu ra	10^3 đ	10.141.116	9.314.503	91,8	11.895.307
	+ Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	10^3 đ	7.431.547	5.780.069	77,8	9.537.114
	- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	10^3 đ				
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	10^3 đ	529.430	173.325	32,7	471.938
	- Thuế thu nhập cá nhân	10^3 đ	286.461	403.136	140,7	423.293
	- Thuế môn bài	10^3 đ	3.000	3.000	100,0	3.000
b	Các khoản nộp khác	10^3 đ	2.443.904	2.337.110	95,6	2.453.965
	- Bảo hiểm xã hội, BHTN	10^3 đ	2.100.113	1.988.287	94,7	2.087.702
	- Bảo hiểm y tế	10^3 đ	343.791	348.822	101,5	366.264

TT	Chỉ tiêu	Đ/vị tính	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Tỷ lệ hoàn thành	Kế hoạch năm 2022
A	B	C	I	2	$3=2/I*100$	4
VII	Tiền lương và thu nhập					
1	CBCNV đến cuối kỳ	Người	160	148	92,5	162
2	CBCNV bình quân	Người	169	158	93,5	182
3	Tổng quỹ tiền lương phải trả	10 ³ đ	28.535.780	28.191.746	98,8	32.843.384
	- Trong đó: BHXH trả thay lương	10 ³ đ				
4	Tiền lương b/q CBCNV/tháng/người	10 ³ đ	14.071	14.869	105,7	15.038
5	Thu nhập b/q CBCNV/tháng/người	10 ³ đ	14.076	14.883	105,7	15.052
VIII	Tài sản cố định & KH TSCĐ	10 ³ đ				
1	Nguyên giá TSCĐ b/q cần tính KH	10 ³ đ	34.431.395	33.032.450	95,9	34.023.424
2	Số tiền khấu hao TSCĐ	10 ³ đ	4.140.378	4.473.206	108,0	4.585.036
3	Tỷ lệ khấu hao TSCĐ		12,03	13,54	112,6	13,48
4	Nguyên giá TSCĐ đầu kỳ	10 ³ đ	58.899.300	58.899.300	100,0	55.136.279
5	Nguyên giá TSCĐ đến cuối kỳ	10 ³ đ	60.799.300	55.136.279	90,7	57.893.093
6	Giá trị còn lại TSCĐ đến cuối kỳ	10 ³ đ	20.900.537	24.388.236	116,7	22.773.680
IX	Vốn kinh doanh đến cuối kỳ	10 ³ đ	81.592.274	77.584.334	95,1	80.255.760
1	Nguồn vốn chủ sở hữu	10 ³ đ	59.838.226	58.391.921	97,6	60.103.727
a	Vốn điều lệ	10 ³ đ	37.200.000	37.200.000	100,0	37.200.000
	Vốn góp của Cty CP Sông Đà 10	10 ³ đ	5.412.000	5.412.000	100,0	5.412.000
	Vốn của cổ đông khác	10 ³ đ	31.788.000	31.788.000	100,0	31.788.000
b	Thặng dư vốn cổ phần	10 ³ đ	156.795	156.795	100,0	156.795
c	Lợi nhuận chưa phân phối	10 ³ đ	2.619.277	1.172.971	44,8	2.884.777
	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	10 ³ đ	501.557	501.557	100,0	997.026
	LNST chưa phân phối kỳ này	10 ³ đ	2.117.720	671.414	31,7	1.887.752
d	Quỹ đầu tư phát triển	10 ³ đ	19.862.154	19.862.154	100,0	19.862.154
2	Nguồn vốn vay	10 ³ đ	21.754.048	19.192.413	88,2	20.152.034
	- Vay ngắn hạn + dài hạn	10 ³ đ	21.754.048	19.192.413	88,2	20.152.034

Hà đông, ngày 10 tháng 01 năm 2022

Lập biểu

Lưu Thị Mến

Kế toán trưởng

Tạ Hoàng Cường

Giám đốc Công ty



Nguyễn Văn Bắc

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021, KẾ HOẠCH NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Để đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cũng như kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông giao. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 10.9 xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình quản trị Công ty cũng như việc quản lý, điều hành Công ty trong năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 như sau:

I - ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2021:

Năm 2021 nền kinh tế chung của cả nước vẫn còn nhiều khó khăn tồn tại do tình hình dịch bệnh Covid 19 kéo dài, các Chủ đầu tư vẫn còn khó khăn về vốn do đó việc giải ngân của một số công trình chậm làm mất cân đối vốn lưu động và ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhận thức đúng đắn tình hình chung cũng như tình hình thực tế của Công ty, HĐQT đã kiên định thực hiện những chủ trương kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thông qua cùng với tinh thần lao động sáng tạo của tập thể CBCNV trong Công ty là yếu tố quan trọng trong việc thực hiện kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã đề ra.

- Hoàn thành các mục tiêu tiến độ thi công tại các công trình đảm bảo chất lượng được các Chủ đầu tư đánh giá cao.
- Đảm bảo thu nhập và việc làm ổn định cho gần 160 CBCNV.
- Đảm bảo hài hoà lợi ích của cổ đông, khách hàng và người lao động.
- Trình độ quản lý, điều hành doanh nghiệp được nâng cao.
- Công tác tiếp thị, đấu thầu tìm kiếm việc làm đối với các lĩnh vực ngành nghề chính của Công ty được quan tâm và thực hiện có hiệu quả, đảm bảo đủ việc làm cho gần 160 lao động trong Công ty.

1) Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế:

- Tổng giá trị SXKD: 101,564 tỷ đồng/106,939 tỷ đồng, đạt 94,97% KH năm.
- Doanh thu: 93,314 tỷ đồng/101,638 tỷ đồng, đạt 91,81% KH năm.
- Doanh số: 102,628 tỷ đồng/111,779 tỷ đồng, đạt 91,81% KH năm
- Lợi nhuận trước thuế: 1,075 tỷ đồng/2,647 tỷ đồng, đạt 40,6% KH năm.

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu: 1,15%/2,60%, đạt 44,2% KH năm.
- Tiền về tài khoản: 116,756 tỷ đồng/125,462 tỷ đồng đạt 93,06% KH năm
- Thu nhập bình quân 1 CBCNV/tháng: đạt 14,883 triệu đồng/người/tháng đạt 105,7% KH năm (14,076 triệu đồng).
- Vốn chủ sở hữu cuối kỳ: 58,392 tỷ đồng/59,838 tỷ đồng, đạt 97,6% KH năm.
- Mục tiêu tiến độ các công trình: Do tình hình dịch bệnh covid 19 đã ảnh hưởng rất nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng với đường lối đúng đắn của Ban lãnh đạo và sự nỗ lực hết mình của tập thể CBCNV về cơ bản Công ty đạt được các mục tiêu tiến độ theo kế hoạch đã đề ra, đạt và vượt yêu cầu của Chủ đầu tư theo các hợp đồng đã ký kết.

2) Kết quả thực hiện nghĩa vụ Nhà nước năm 2021:

ĐVT: triệu đồng

STT	Diễn giải	Số đầu kỳ	Phát sinh tăng trong kỳ	Số đã nộp	Số dư cuối kỳ
1	Thuế GTGT	3.593	3.534	4.867	2.260
2	Thuế TNDN	3.665	173	3.746	92
3	Thuế TNCN	512	403	802	113
4	Thuế môn bài	0	3	3	0
5	Phí, lệ phí	34	79	113	0
6	Bảo hiểm XH, YT, TN, TNLĐ	1.277	2.337	2.461	1.153
	Tổng cộng	9.082	6.530	11.993	3.619

* Tình hình tài chính được cải thiện, các khoản phải nộp ngân sách đã giảm đáng kể từ (9,08 tỷ xuống còn 3,62 tỷ) và đảm bảo được chế độ cho người lao động.

3) . Tình hình vay vốn tại các tổ chức tín dụng

ĐVT: triệu đồng

STT	Diễn giải	Số đầu kỳ	Phát sinh tăng trong kỳ	Số đã trả	Số dư cuối kỳ
1	Vay ngắn hạn tại các ngân hàng	15.605	15.249	25.360	5.494
2	Vay dài hạn ngân hàng	628	1.428	407	1.649
3	Vay ngắn hạn + dài hạn cá nhân	9.430		1.780	7.650
4	Thuê tài chính	710	2.514	1.469	1.755
	Tổng cộng	26.373	19.191	29.016	16.548

* Các khoản vốn vay tại các ngân hàng, vốn vay cá nhân cũng đã giảm từ 26,373 tỷ xuống còn 16,548 tỷ góp phần rất lớn trong việc giảm thiểu chi phí tài chính nâng cao lợi nhuận Công ty.

4) Các mặt còn hạn chế:

- Giá trị dở dang, công nợ còn tương đối lớn làm ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD.

Giá trị dở dang đến thời điểm 31/12/2021 là **12,735** tỷ đồng (dở dang đến 31/12/2020 là **13,799** tỷ đồng) đã giảm **1,064** tỷ đồng, giá trị dở dang tồn đọng chủ yếu tại các công trình đang quyết toán thời gian thu hồi lâu và kéo dài.

Tiền về, công nợ phải thu:

+ Tiền về: **116,756** tỷ đồng

+ Công nợ phải thu: **56,513** tỷ đồng

* Đủ điều kiện thanh toán: **23,998** tỷ đồng

* Giữ lại: **32,161** tỷ đồng

- Công tác tuyển dụng công nhân kỹ thuật chưa đáp ứng được yêu cầu do ngành nghề sản xuất của Công ty có khó khăn đặc thù (nặng nhọc; nguy hiểm; ở địa bàn sâu xa).

II. HOẠT ĐỘNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT.

1) Hoạt động của HĐQT trong năm 2021.

Trong năm qua tập thể HĐQT gồm 5 thành viên đã cùng Ban giám đốc Công ty tìm kiếm việc làm, phê duyệt ký kết các hợp đồng thi công như: Hợp đồng thi công công trình Thủy điện Nước Lương giá trị 257,8 tỷ đồng; Hợp đồng thi công công trình Thủy điện Nước Bươu giá trị 33,1 tỷ đồng, Hội đồng quản trị đã bám sát những mục tiêu, nhiệm vụ, các chỉ tiêu kinh tế mà Đại hội đồng cổ đông đã quyết định thông qua để chỉ đạo Ban giám đốc triển khai thực hiện được thể hiện ở các mặt công tác sau:

a) Công tác kế hoạch:

- Trên cơ sở kế hoạch năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT đã chỉ đạo xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 của Công ty ngay từ đầu năm để Ban giám đốc triển khai và tổ chức thực hiện. Hàng quý đều xem xét phê duyệt kế hoạch quý và kiểm điểm kết quả thực hiện quý trước để nắm bắt và điều chỉnh kịp thời tình hình SXKD của Công ty.

- Chỉ đạo công tác lập kế hoạch SXKD năm 2022 để trình ĐHĐCĐ thông qua.

b) Công tác xây dựng và ban hành các quy chế quản lý:

- Kịp thời ban hành mới các quy chế và quy định quản lý cho phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty.

c) Công tác chỉ đạo và quản lý:

* Về công tác tổ chức:

- Đã tổ chức tốt Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2021.
- Chỉ đạo kiện toàn bộ máy tổ chức từ Công ty đến các công trường, tới các đội sản xuất.
- Chỉ đạo sắp xếp bộ máy tổ chức tại các công trường triển khai thi công ổn định và hiệu quả.

*** Về công tác chỉ đạo sản xuất:**

- HĐQT đã tập trung chỉ đạo sát sao việc thực hiện các mục tiêu tiến độ các công trình, đặc biệt quan tâm các vấn đề liên quan đến quyền lợi kinh tế của đơn vị: Vấn đề về đơn giá, dự toán, khối lượng phát sinh, công tác nghiệm thu thanh toán, thu hồi vốn và công nợ. Các thành viên HĐQT giữ trọng trách trong Ban giám đốc điều hành đã bám sát vào các mục tiêu tiến độ theo hợp đồng đã ký kết với tổng thầu hoặc Chủ đầu tư để triển khai thực hiện nhiệm vụ một cách quyết liệt.

*** Công tác kinh tế - tài chính và đầu tư**

- Về công tác kinh tế - tài chính:

- + Về cơ bản đã đảm bảo đủ vốn cho hoạt động SXKD.
- + Thực hiện việc trả nợ gốc và lãi vay cho các Ngân hàng đúng hạn không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn và thực hiện công tác đảo nợ để giảm lãi suất tương đối kịp thời.
- + Bám sát tình hình vốn của Chủ đầu tư, đôn đốc quyết liệt để Chủ đầu tư ứng vốn và thanh toán kịp thời cho đơn vị.
- + Phê duyệt các hợp đồng kinh tế, tín dụng thuộc thẩm quyền của HĐQT để Giám đốc triển khai thực hiện theo đúng các quy định của Công ty.
- + Quan tâm chỉ đạo công tác khoán và hạch toán kinh doanh đến từng công trình, phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong việc kiểm tra thường xuyên việc thực hiện quy chế quản lý tài chính đã được ban hành.
- + Việc trả lương cho người lao động về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu đề ra, kết thúc năm âm lịch 2021, Công ty đã trả hết lương tháng 12 và tháng 13 cho người lao động.
- + Chỉ đạo sát sao công tác nghiệm thu thanh toán, thu hồi vốn và công nợ đáp ứng kịp thời nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Về công tác đầu tư:

Chỉ đạo việc sử dụng tối ưu các thiết bị máy móc hiện có, thực hiện đầu tư một số thiết bị phù hợp với tiến độ thi công tại các công trình.

*** Về công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của Công ty, các quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông.**

- HĐQT đã quan tâm tới công tác kiểm tra giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc. Đã phối hợp tốt với Ban kiểm soát trong việc kiểm tra định kỳ kết quả SXKD và các mặt quản lý khác.

2) Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT:

a) Thù lao của HĐQT.

Việc chi trả thù lao cho HĐQT được thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

- Tổng số tiền thù lao HĐQT được duyệt: 252 triệu đồng (Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng, thành viên HĐQT: 4.000.000 đồng/người/tháng).
- Số tiền thù lao cho HĐQT năm 2021: đã chi trả 64 triệu đồng (đối với thành viên HĐQT kiêm nhiệm điều hành Công ty); còn 188 triệu đồng phải trả cho thành viên HĐQT kiêm nhiệm không điều hành, Công ty đã hạch toán giảm lợi nhuận sau thuế và đang treo công nợ phải trả cho các thành viên. Kế hoạch thanh toán vào năm 2022.

b) Chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT:

Trong năm 2021 Công ty chưa chi khoản tiền thưởng Ban quản lý, điều hành của những năm trước cho thành viên HĐQT.

Tổng tiền lương Công ty đã chi trả cho Thành viên HĐQT chuyên trách trong năm 2021 là: 108 triệu đồng.

III. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT, CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT:

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành họp 04 lần. Các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp và thể hiện trách nhiệm cao đối với vai trò, trách nhiệm của mình.

Các cuộc họp được tiến hành đúng thủ tục, sau mỗi cuộc họp HĐQT đều ban hành các Nghị quyết, quyết định để Ban Giám đốc tổ chức triển khai thực hiện.

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH:

HĐQT đã kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, của HĐQT đối với Ban giám đốc. Hằng quý đều tổ chức các cuộc họp và ban hành các Nghị quyết phê duyệt KHSXKD quý và kiểm điểm kết quả thực hiện KHSXKD của quý trước. Yêu cầu Giám đốc Công ty trình duyệt các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, sau khi được phê duyệt mới triển khai thực hiện.

Đã phối hợp với Ban kiểm soát trong việc kiểm tra định kỳ kết quả SXKD và việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT đối với Giám đốc Công ty.

V. KẾ HOẠCH NĂM 2022 VÀ CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM.

1) Khó khăn và thuận lợi:

a) Khó khăn:

- Năm 2022, hệ quả do tình hình dịch bệnh covid – 19 vẫn còn tồn đọng làm ảnh hưởng đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Đơn vị tại các công trình.
- Công tác thu hồi công nợ của Công ty gặp nhiều khó khăn dẫn đến nguồn vốn cho SXKD bị ảnh hưởng.
- Môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh quyết liệt, các công trình ngày càng đòi hỏi cao về tiến độ, chất lượng và ngày càng thắt chặt.
- Nguồn nhân lực của Công ty về cơ bản mới đáp ứng đủ số lượng nhưng tỷ lệ cán bộ trẻ và chưa có kinh nghiệm cao, lực lượng lao động có tay nghề và cán bộ quản lý giỏi vẫn còn thiếu hụt.
- Thiết bị thi công chủ lực (máy khoan hầm) thiếu dẫn đến Công ty không đảm bảo duy trì được năng lực thi công, không chủ động được trong việc tìm kiếm, triển khai công trình mới.
- Các công trình thi công ở nhiều địa bàn khác nhau, bộ máy quản lý tách rời không tập trung nên việc cân đối nhân lực, máy móc thiết bị chưa đáp ứng được tiến độ cho từng thời điểm thi công tại mỗi công trình ít nhiều sẽ xảy ra. Thêm nữa, các công trình đều nằm trên địa bàn miền núi cách xa thị xã, thành phố dẫn tới rất khó khăn cho công tác cung cấp vật tư, trang thiết bị thi công.
- Bên cạnh đó, những năm gần đây, thời tiết khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp cũng làm ảnh hưởng đến tiến độ thi công của công trình.

b) Thuận lợi:

- Với việc tăng vốn điều lệ lên 37,2 tỷ đồng bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh từ đó Công ty đã có tiềm lực tài chính để mở rộng đầu tư, sản xuất và phát triển Công ty.
- Việc cử một thành viên HĐQT chuyên trách tham gia vào kiểm soát điều hành Công ty đã cùng với Ban lãnh đạo Công ty tìm kiếm được nhiều cơ hội đầu tư, dự án mới.
- Hiện nay Công ty đã có uy tín cao tại các tổ chức tín dụng nên được hỗ trợ kịp thời về vốn vay và lãi suất đảm bảo.
- Một số công trình đã có hợp đồng và đang đi vào ổn định sản xuất kinh doanh.
- Đội ngũ cán bộ công nhân và máy móc thiết bị hiện tại về cơ bản đã đáp ứng được việc thi công tại các công trường.

2) Kế hoạch và nhiệm vụ năm 2022

Với những thuận lợi và khó khăn nêu trên, trên cơ sở năng lực và tình hình thực tế của Công ty. Hội đồng quản trị đã xây dựng kế hoạch SXKD năm 2022 với các mục tiêu chính như sau:

2.1) Kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu:

- Tổng giá trị SXKD: 148,488 tỷ đồng.
- Tổng giá trị doanh thu: 119,040 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 2,359 tỷ đồng.

- Vốn điều lệ: 37,2 tỷ đồng.
- Thu nhập bình quân CBCNV: 15,052 triệu đồng.
- Tỷ lệ chia cổ tức: dự kiến 5%.

2.2) Một số nhiệm vụ trọng tâm:

a) Về công tác tổ chức:

- Tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực đặc biệt là đội ngũ công nhân kỹ thuật để kịp thời đáp ứng yêu cầu thi công các công trình và tăng năng lực cạnh tranh.

b) Công tác kinh tế kế hoạch:

- Chỉ đạo xây dựng kế hoạch SXKD năm 2022.
- Chú trọng tối đa nhân lực để làm hồ sơ thanh toán và quyết toán tại các công trình và đặc biệt là các công trình đang triển khai thi công có giá trị sản lượng lớn như: Nước Lương, Đăk Ba, Nước Brou để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Quản lý chặt chẽ công tác hạch toán SXKD, phân đầu không vượt giá thành và các chi phí không vượt các định mức nội bộ của Công ty.
- Tăng cường công tác tiếp thị tìm kiếm việc làm tại các công trình cho các năm tiếp theo.

c) Công tác đầu tư

Hướng tới sự phát triển Công ty theo mô hình vừa xây lắp vừa đầu tư trong lĩnh vực năng lượng như: thủy điện, điện gió, điện mặt trời. Đồng thời nâng cao năng lực tài chính và giá trị của Công ty với mục đích phát triển bền vững cho những năm sau. HĐQT phê duyệt kế hoạch tham gia đầu tư góp vốn mua cổ phần tại Công ty cổ phần Thủy điện Nước Lương:

- Hình thức đầu tư: Ủy quyền đầu tư
- Tên cổ phần: Cổ phiếu Công ty cổ phần Thủy điện Nước Lương
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết
- Mệnh giá cổ phần: 10.000đ/ cổ phiếu
- Số lượng cổ phần dự kiến tham gia mua: 3.450.000 cổ phần
- Tổng giá trị cổ phần dự kiến tham gia mua tối đa: 34.500.000.000 đồng
- Tỷ lệ góp vốn tối đa: 15% vốn điều lệ Công ty CP Thủy điện Nước Lương
- Nguồn vốn thực hiện đầu tư: Nguồn vốn hợp pháp của Công ty
- Thời gian thực hiện: năm 2022

d) Công tác chỉ đạo sản xuất:

- Phân công nhiệm vụ cụ thể đến từng phòng ban. Hàng tuần, tháng có kiểm điểm đánh giá và quy trách nhiệm đến từng cá nhân, tập thể nếu làm ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của Công ty.
- Huy động mọi nguồn lực để triển khai thi công đảm bảo mục tiêu, tiến độ và chất lượng, tìm mọi biện pháp đảm bảo mục tiêu tiến độ và đạt hiệu quả kinh tế cao tại các

công trình. Đặc biệt là công trình có sản lượng cao như Công trình Đăk Ba, Nước Lương, Nước Bươu.

- Tập trung chỉ đạo công tác nghiệm thu thanh toán, thu hồi vốn và công nợ; đảm bảo cân đối đủ vốn cho hoạt động SXKD, hoạt động đầu tư và trả nợ các tổ chức tín dụng đúng hạn.

e) Công tác tài chính, tín dụng:

- Tập trung cao độ vào công tác thanh quyết toán, thu hồi công nợ để tăng cường quay vòng vốn, giảm lãi vay.

- Có phương án để sử dụng vốn tối ưu, linh hoạt để giảm thiểu chi phí tài chính.

- Xây dựng mối quan hệ gắn bó, hợp tác lâu dài với các tổ chức tín dụng nhằm đảm bảo nguồn vốn lưu động, vốn đầu tư cho hoạt động SXKD để hoàn thành các công trình theo đúng tiến độ.

- Có kế hoạch chuẩn bị, cân đối nguồn vốn để chi trả lương, thưởng cho người lao động và thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước.

f) Công tác kiểm tra kiểm soát:

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định quản lý do Đại hội đồng cổ đông và HĐQT ban hành và việc chấp hành các chế độ, chính sách của Nhà nước.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong quá trình kiểm tra kiểm soát việc ra nghị quyết và thực hiện nghị quyết của HĐQT, Ban giám đốc trong việc chấp hành các quy định của Pháp luật, các quy chế, quy định và Điều lệ hoạt động của Công ty.

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị sẽ tăng cường việc chỉ đạo để hoàn thành các mục tiêu của kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong năm 2022.

Xin trân trọng báo cáo Đại hội đồng cổ đông.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



PHẠM VĂN PHÚ

Số: 02/2022/BCKT/CPA-CNTX



Kính gửi :

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10.9

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9 ("Công ty"), được lập ngày 10/01/2022, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9 tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kế thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 05 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9 giữ 04 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Giám đốc chi nhánh

Trần Văn Dũng

Giấy CNĐKHNKT số: 2006-2018-016-1

Kiểm toán viên



Đào Văn Anh

Giấy CNĐKHNKT số: 1365-2018-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		89.220.837.705	94.087.229.192
I . Tiền và các khoản tương đương tiền	110		16.077.974.484	4.280.194.413
1 . Tiền	111	V.01	16.077.974.484	4.280.194.413
2 . Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II . Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	1.485.000.000	3.880.000.000
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.485.000.000	3.880.000.000
III . Các khoản phải thu ngắn hạn	130		56.413.186.184	69.489.706.068
1 . Phải thu khách hàng	131	V.03	56.513.563.068	70.599.732.948
2 . Trả trước cho người bán	132	V.03	1.396.226.153	363.393.698
3 . Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	1.743.929.154	942.508.520
4 . Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(3.240.532.191)	(2.415.929.098)
IV . Hàng tồn kho	140		15.055.510.373	16.437.328.711
1 . Hàng tồn kho	141	V.07	15.055.510.373	16.437.328.711
2 . Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V . Tài sản ngắn hạn khác	150		189.166.664	-
1 . Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.13	189.166.664	-
B . TÀI SẢN DÀI HẠN	200		25.759.795.558	22.617.943.779
I . Các khoản phải thu dài hạn	210		-	122.952.000
1 . Phải thu dài hạn khác	216		-	122.952.000
II . Tài sản cố định	220		24.388.236.116	22.140.914.945
1 . Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	14.883.176.080	14.416.844.319
- Nguyên giá	222		45.125.697.555	51.174.208.912
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(30.242.521.475)	(36.757.364.593)
2 . Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	2.539.060.036	758.070.626
- Nguyên giá	225		3.044.581.819	759.090.909
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(505.521.783)	(1.020.283)
3 . Tài sản cố định vô hình	227	V.11	6.966.000.000	6.966.000.000
- Nguyên giá	228		6.966.000.000	6.966.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III . Bất động sản đầu tư	230	V.12	-	-
IV . Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	-	-
V . Đầu tư tài chính dài hạn	250		100.000.000	-
1 . Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		100.000.000	-
VI . Tài sản dài hạn khác	260		1.271.559.442	354.076.834
1 . Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	1.271.559.442	354.076.834
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		114.980.633.263	116.705.172.971

(Thuyết minh là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	(Tiếp theo)		Số cuối năm	Số đầu năm
	Mã số	Thuyết minh		
1	2	3	4	5
C . NỢ PHẢI TRẢ	300		56.588.712.249	77.496.155.851
I . Nợ ngắn hạn	310		52.601.668.418	74.521.236.185
1 . Phải trả người bán	311	V.15	8.765.962.347	19.521.511.686
2 . Người mua trả tiền trước	312		9.364.593.798	1.082.285.058
3 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.466.285.810	7.805.416.594
4 . Phải trả người lao động	314		7.718.467.742	12.668.365.144
5 . Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	619.095.000	602.518.227
6 . Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	10.214.015.039	8.612.563.110
7 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	12.560.809.004	23.398.146.816
8 . Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		892.439.678	830.429.550
II . Nợ dài hạn	330		3.987.043.831	2.974.919.666
1 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	3.987.043.831	2.974.919.666
D . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		58.391.921.014	39.209.017.120
I . Vốn chủ sở hữu	410	V.24	58.391.921.014	39.209.017.120
1 . Vốn góp của chủ sở hữu	411		37.200.000.000	18.600.000.000
2 . Thặng dư vốn cổ phần	412		156.795.455	156.795.455
3 . Quỹ đầu tư phát triển	418		19.862.154.141	19.862.154.141
4 . Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.172.971.418	590.067.524
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		501.557.396	300.492.486
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		671.414.022	289.575.038
II . Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		114.980.633.263	116.705.172.971

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lưu Thị Mến

Tạ Hoàng Cường

Nguyễn Văn Bắc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
*Năm tài chính 2021**Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	92.320.030.330	122.350.200.807
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.2	-	1.691.435.712
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	10		92.320.030.330	120.658.765.095
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	84.025.700.207	111.087.592.132
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	20		8.294.330.123	9.571.172.963
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	168.876.337	238.927.950
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.806.331.784	2.748.596.215
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.806.331.784	2.748.596.215
8. Chi phí bán hàng	24	VI.8	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.8	6.074.387.460	6.236.938.735
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		582.487.216	824.565.963
11. Thu nhập khác	31	VI.6	825.000.000	50.000.000
12. Chi phí khác	32	VI.7	332.748.114	216.551.690
13. Lợi nhuận khác	40		492.251.886	(166.551.690)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.074.739.102	658.014.273
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	173.325.080	122.439.235
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.11	-	-
17. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	60		901.414.022	535.575.038
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		242	288

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lưu Thị Mến



Tạ Hoàng Cường



Nguyễn Văn Bắc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)**Năm tài chính 2021*

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
- Tiền thu từ bán hàng, CCDV và doanh thu khác	1		116.058.015.932	103.663.196.982
- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(66.847.685.279)	(49.113.867.129)
- Tiền chi trả cho người lao động	3		(30.574.930.734)	(25.315.552.023)
- Tiền chi trả lãi vay	4		(973.670.080)	(2.246.473.632)
- Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(203.439.235)	(124.668.239)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		5.346.831.948	3.772.070.262
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(8.845.058.341)	(6.737.133.299)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.960.064.211	23.897.572.922
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(4.604.486.909)	(2.201.272.908)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		907.500.000	55.000.000
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.585.000.000)	(1.480.000.000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		3.880.000.000	730.000.000
- Tiền thu lợi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		211.839.569	188.556.498
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.190.147.340)	(2.707.716.410)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		18.600.000.000	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.3	11.324.946.570	16.655.924.300
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.4	(27.548.964.739)	(34.714.432.453)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.091.555.831)	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.256.562.800)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(972.136.800)	(18.058.508.153)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)	50		11.797.780.071	3.131.348.359
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.280.194.413	1.148.846.054
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)	70		16.077.974.484	4.280.194.413

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Lưu Thị Mến



Tạ Hoàng Cường



Nguyễn Văn Bắc

(Thuyết minh là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Số: 01/SĐ10.9-BKS

Hà Nội, ngày tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022)

Kính thưa: - Quý vị Đại biểu;
- Quý vị Cổ đông Công ty.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát (BKS) theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 10.9 báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 kết quả hoạt động của Ban trong năm 2021 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021:

Năm 2021, BKS đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban. BKS đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên mọi hoạt động của công ty; định kỳ tiến hành kiểm tra trực tiếp, cụ thể:

- Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty do Hội đồng quản trị (HĐQT), Giám đốc, các phòng chức năng của Công ty cung cấp, các thành viên BKS đã thực hiện các công việc như kiểm tra, rà soát lại các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành; kiểm tra các Tờ trình của Giám đốc, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT về kế hoạch SXKD hàng quý, năm. BKS đã có những ý kiến thiết thực, tham gia ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD chung của Công ty tại các cuộc họp của HĐQT;
- Xem xét kiểm tra việc thực hiện các dự án, công tác ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế;
- Xem xét tính hợp lý các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm;
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên về việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Giám đốc theo đúng Nghị quyết của HĐQT đã ban hành và Điều lệ của Công ty. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp đối với các hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2021;
- BKS được cung cấp đầy đủ thông tin về các Quyết định của HĐQT, trên cơ sở đó kiểm tra tính hợp pháp của các quyết định trên;
- Hàng quý thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Giám đốc; báo cáo tài chính, báo cáo quản trị của Công ty;
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh và báo cáo tài chính cả năm 2021 của HĐQT, Giám đốc Công ty; báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán và kế toán Hà nội;

Trong năm 2021, hoạt động của BKS tập trung kiểm tra và kiểm soát thường xuyên các quyết định của HĐQT trên cơ sở thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chấp hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban chức năng của Công ty.

Qua một năm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, BKS đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành Công ty thực hiện tốt những chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2021:

Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty do HĐQT, Giám đốc, các phòng ban chức năng của Công ty cung cấp, Báo cáo của HĐQT Công ty về tình hình hoạt động SXKD năm 2021 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, các thành viên BKS đã thực hiện các công việc kiểm tra, soát xét và đưa ra nhận xét, đánh giá như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

1.1. Một số chỉ tiêu kinh tế, tài chính chủ yếu:

T	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	37,2	37,2	100%
2	Giá trị SXKD	Tỷ đồng	106,94	101,6	95%
3	Tổng doanh số	Tỷ đồng	111,78	102,6	91,8%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,647	1,074	40,6%
4	Lợi nhuận /Vốn điều lệ	%	7,1	2,9	40,6%
5	Thu nhập bình quân CBCNV	(tr đồng/ người/ tháng)	14,076	14,88	105,7%

Năm 2021, nhìn vào bảng thống các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu cho thấy đều không đạt kế hoạch đã đề ra. Nguyên nhân: Công nợ phải thu và giá trị dở dang lớn, nợ phải trả ngân hàng cao làm tăng chi phí lãi vay, mặt khác trong năm 2021 nền kinh tế nói chung gặp rất nhiều khó khăn do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và kéo làm tăng chi phí đầu vào ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2021, BKS chưa phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động SXKD của Công ty. Tất cả các hoạt động này đều tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định nội bộ Công ty.

1.2. Về công tác kế toán và báo cáo tài chính năm 2021:

- Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập các báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp. Các báo cáo tài chính cũng được công bố kịp thời theo qui định hiện hành.

- BKS đồng ý cơ bản với các đánh giá về hoạt động tài chính trong các báo cáo của Công ty và tổ chức kiểm toán. Báo cáo tài chính năm 2021 đảm bảo tính hợp pháp theo chế độ kế toán và luật pháp hiện hành.

- Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán Hà Nội.

Một số chỉ tiêu chủ yếu trên báo cáo tài chính năm 2021:

+ Tổng tài sản	: 114.980.633.263 đồng
✓ Tài sản ngắn hạn	: 89.220.837.705 đồng
✓ Tài sản dài hạn	: 25.759.795.558 đồng
+ Nguồn vốn	: 114.980.633.263 đồng
✓ Nợ phải trả	: 56.588.712.249 đồng
✓ Nguồn vốn chủ sở hữu	: 58.391.921.014 đồng

Phân tích một số chỉ tiêu trong Báo cáo tài chính năm 2021:

$$\text{Khả năng thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Tổng nợ}} = \frac{114.980.633.263}{56.588.712.249} = 2,03$$

$$\text{Khả năng thanh toán hiện hành} = \frac{\text{TS ngắn hạn}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}} = \frac{89.220.837.705}{52.601.668.418} = 1,7$$

$$\text{Khả năng thanh toán nhanh (ngay)} = \frac{\text{TS ngắn hạn - Hàng tồn kho}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}} = \frac{74.165.327.332}{52.601.668.418} = 1,4$$

$$\text{Khả năng thanh toán tức thời} = \frac{\text{Vốn bằng tiền}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}} = \frac{16.077.974.484}{52.601.668.418} = 0,3$$

$$\text{Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu (Hệ số nợ)} = \frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = \frac{56.588.712.249}{58.391.921.014} = 0,97$$

So sánh các chỉ tiêu năm 2021 so với năm 2020 như sau:

TT	Các chỉ số	Năm 2021	Năm 2020
1	Khả năng thanh toán tổng quát	2,3	1,5
2	Khả năng thanh toán hiện hành	1,7	1,26
3	Khả năng thanh toán ngay	1,4	1,04
4	Khả năng thanh toán tức thời	0,3	0,006
5	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (Hệ số nợ)	0,97	1,976

Các chỉ tiêu trên cho thấy việc sử dụng vốn của Công ty có hiệu quả, tuy nhiên Công ty vẫn còn rất nhiều khó khăn trong việc cân đối dòng tiền.

2. Đánh giá hoạt động của HĐQT, Giám đốc và cán bộ quản lý:

BKS nhận định HĐQT và Ban Giám đốc trong năm 2021 đã hoàn thành trách nhiệm điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý hiện hành, cụ thể:

*** Hội đồng quản trị:**

- HĐQT đã tổ chức triển khai thực hiện toàn bộ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông kịp thời và linh hoạt. BKS không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong Công ty;
- Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra và nắm bắt tình hình các mặt hoạt động của doanh nghiệp, kiểm tra và nghe Ban giám đốc báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của từng quý và đưa ra định hướng giải quyết các vấn đề phát sinh kịp thời.
- Các nghị quyết của HĐQT ban hành đúng với chức năng và quyền hạn của HĐQT và có nội dung phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Các kế hoạch chỉ đạo điều hành SXKD do Giám đốc trình đều được HĐQT xem xét phê duyệt trên nguyên tắc tập thể đảm bảo khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên HĐQT;
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông đã phản ánh đúng thực tế của công tác quản lý HĐQT;
- Công tác phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT: các cuộc họp HĐQT, BKS đều được mời tham dự và tham gia ý kiến đóng góp xây dựng công tác tổ chức quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh và chiến lược, kế hoạch phát triển Công ty.

*** Ban Giám đốc:**

- Công tác ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế đảm bảo theo đúng pháp luật và các quy định hiện hành của Nhà nước, Điều lệ tổ chức hoạt động và quy chế quản lý hợp đồng kinh doanh thương mại của Công ty; không để xảy ra các sai phạm trong công tác đàm phán thương thảo và thực hiện hợp đồng kinh tế;
- Công ty quản lý và hạch toán kế toán tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước. Kế hoạch tài chính, kế hoạch giá thành đã được lập gắn liền với kế hoạch sản xuất kinh doanh và bám sát với tình hình thực tế, đảm bảo cho công việc tổ chức và điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả. Thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế quản lý tài chính đã ban hành. Kế hoạch giá thành phản ánh đầy đủ chi phí, các yếu tố giá thành phù hợp, rõ ràng, đảm bảo hạn chế rủi ro;
- Chủ động tìm kiếm việc làm, đảm bảo được nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, do đã tạo dựng được uy tín đối với các tổ chức tín dụng. Các khoản vay được Công ty sử dụng đúng mục đích, hợp lý và hiệu quả sử dụng vốn vay tối ưu nhất. Các khoản nợ của Công ty được trả đúng hạn, kiểm soát nợ quá hạn. Hệ số khả năng thanh toán tốt, hệ số nợ tương đối hợp lý;
- Tuy nhiên việc cân đối dòng tiền của Ban giám đốc vẫn còn rất nhiều khó khăn.

I. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

- BKS nhất trí với Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 của HĐQT Công ty;

- BKS nhất trí với kế hoạch và các giải pháp tổ chức thực hiện của Công ty trong năm 2021;
- Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động của công ty, tuyển chọn, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu quản lý doanh nghiệp, hiệu quả.
- Công ty cần có biện pháp cụ thể để cân đối dòng tiền phục vụ SXKD cũng như thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và trả cổ tức cho cổ đông.
- Đề nghị HĐQT Công ty tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung một số Quy chế quản lý nội bộ cho phù hợp với quy định của Pháp luật và sự phát triển của Công ty để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

III. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BKS NĂM 2022

- BKS tổ chức kiểm tra 4 lần/năm các báo cáo tài chính hàng quý, thường xuyên tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, việc chấp hành Điều lệ tổ chức hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng ban chức năng trong Công ty;
- Xem xét Thư quản lý của kiểm toán độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Giám đốc Công ty;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên các hoạt động của Công ty thông qua các quyết định của HĐQT và Ban Giám đốc Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả SXKD năm 2021, hoạt động của BKS năm 2022. Kính trình đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Các cổ đông (B/c);
- HĐQT, GD, TV BKS;
- Ban Kiểm soát (lưu).

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Hoàng Văn Tới

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 10.9
Số: 01 SĐ10.9-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----
Hà Nội ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
(Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021)

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 10.9
- Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.
- Nghị quyết phiên họp HĐQT số SĐ10.9/NQ-HĐQT ngày / /2022.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2021	1.074.739.102
2	Thuế TNDN	173.325.080
3	Lợi nhuận sau thuế (=1-2)	901.414.022
4	Thù lao HĐQT, BKS không điều hành	230.000.000
5	Lợi nhuận năm trước để lại	501.557.396
6	Lợi nhuận còn lại phân phối (=3-4+5)	1.172.971.418
7	Trích quỹ khen thưởng (10%)	117.297.142
8	Trích quỹ phúc lợi (5%)	58.648.571
9	Trích quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	0
10	Chia cổ tức bằng tiền mặt (tỷ lệ 0%)	0
11	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau (=6-7-8-9-10)	997.025.705

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu HĐQT

CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10.9
TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Hà nội ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
(V/v: chi trả tiền thù lao của HĐQT, BKS năm 2021
và thông qua kế hoạch tiền thù lao của HĐQT, BKS năm 2022)

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG C.TY CP SÔNG ĐÀ 10.9

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 10.9.
- Nghị quyết số 01NQ/ĐHĐCĐ ngày 27/10/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Sông Đà 10.9.

1. Việc chi trả tiền thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021:

TT	Tiền thù lao khoán trong năm	Số người	Thành tiền (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm)	01	60.000.000
2	Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm)	04	192.000.000
3	Trưởng ban kiểm soát (kiêm nhiệm)	01	42.000.000
4	Thành viên ban kiểm soát (kiêm nhiệm)	02	72.000.000
	Tổng cộng		366.000.000

2. Kế hoạch tiền thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 như sau:

TT	Tiền lương, thù lao khoán trong năm	Thù lao/người/ tháng (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm)	5.000.000
2	Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm)	4.000.000
3	Trưởng ban kiểm soát (kiêm nhiệm)	3.500.000
4	Thành viên ban kiểm soát (kiêm nhiệm)	3.000.000

Ghi chú: Phương thức thanh toán: Tiền thù lao của Hội đồng quản trị, và Ban kiểm soát được trả theo tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án trên.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu HĐQT

CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10.9
TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



PHẠM VĂN PHÚ

CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 10.9
Số: 01 SD10.9- BKS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà nội, ngày tháng năm 2022

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
(Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022)

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 ngày 17/06/2020.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 10.9.

Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 10.9 kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 như sau:

1. Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội.
2. Nội dung kiểm toán: Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.
3. Phí kiểm toán: Theo thoả thuận.
4. Địa điểm kiểm toán: Tại đơn vị
5. Giao cho Giám đốc Công ty ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán theo đúng quy định của Pháp luật.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các thành viên HĐQT;
- Lưu BKS.

CTY CP SÔNG ĐÀ 10.9
TM/ BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Hoàng Văn Tới

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10.9**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Sông Đà 10.9 diễn ra từ 9 giờ 00 phút đến 11 giờ 30 phút ngày tháng năm 2022 tại Hội trường Công ty CP Sông Đà 10.9, Vị trí 7 - 8, Liền kề 3, Khu đô thị Đại Thanh, Tả Thanh Oai, Quận Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ Biên bản số 01BB-ĐH ĐCĐ ngày / /2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CP SÔNG ĐÀ 10.9
QUYẾT NGHỊ:**

Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị Công ty và tình hình thực hiện nhiệm vụ 2021, kế hoạch 2022, trong đó bao gồm:

1) Kết quả SXKD năm 2021:

- a) Tổng giá trị SXKD: 101.564,028/106.939,727 triệu đồng đạt 94,97% KH năm.
 - Giá trị KD xây lắp: 100.353,818/105.712,746 triệu đồng, đạt 94,93% KH năm.
 - Giá trị KD ngoài xây lắp: 302,710/426,982 triệu đồng, đạt 70,90% KH năm.
 - Hoạt động khác: 907,500/800,000 triệu đồng, đạt 113,44% KH năm.
 - Doanh số: 102.628,410/111.779,261 triệu đồng, đạt 91,81% KH năm
- b) Doanh thu: 93.313,907/101.638,145 triệu đồng, đạt 91,81% KH năm.
- c) Lợi nhuận trước thuế: 1.074,739/2.647,150 triệu đồng, đạt 40,6% KH năm.
- d) Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu: 1,15%/2,60%, đạt 44,2% KH năm.
- e) Thu nhập bình quân đạt: 14,883/14,076 triệu đồng/người/tháng, đạt 105,7% KH năm.
- f) Mục tiêu tiến độ các công trình: Hoàn thành tiến độ các công trình theo yêu cầu của các Chủ đầu tư.
- g) Tỷ lệ chia cổ tức: 0%

2) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022:

- a) Tổng giá trị SXKD: 148.488 triệu đồng: Bao gồm:
 - + Giá trị kinh doanh xây lắp: 146.251 triệu đồng.
 - + Giá trị kinh doanh ngoài xây lắp: 237 triệu đồng.
 - + Hoạt động khác: 2.000 triệu đồng
- b) Doanh thu: 119.040 triệu đồng.
- c) Lợi nhuận trước thuế: 2.359 triệu đồng.

- d) Tỷ suất lợi nhuận:
 + Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu: 1,98%
 + Tỷ suất lợi nhuận/vốn điều lệ: 6,3%
 + Tỷ suất lợi nhuận/vốn chủ sở hữu: 3,9%.
- e) Vốn chủ sở hữu: 60.103 triệu đồng.
- f) Vốn điều lệ: 37.200 triệu đồng.
- g) Thu nhập bình quân CBCNV: 15,052 triệu đồng/tháng.
- h) Tỷ lệ chia cổ tức (dự kiến): 5,0%.
- i) Mục tiêu tiến độ các công trình: Đáp ứng tiến độ thi công tại các công trình theo yêu cầu của các chủ đầu tư.

(Biểu quyết tán thành với % số cổ phần tham dự)

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

(Biểu quyết tán thành với % số cổ phần tham dự)

Điều 3. Thông qua báo cáo kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022 của Ban kiểm soát.

(Biểu quyết tán thành với % số cổ phần tham dự)

Điều 4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2021	1.074.739.102
2	Thuế TNDN	173.325.080
3	Lợi nhuận sau thuế (=1-2)	901.414.022
4	Thù lao HĐQT, BKS không điều hành	230.000.000
5	Lợi nhuận năm trước để lại	501.557.396
6	Lợi nhuận còn lại phân phối (=3-4+5)	1.172.971.418
7	Trích quỹ khen thưởng (10%)	117.297.142
8	Trích quỹ phúc lợi (5%)	58.648.571
9	Trích quỹ thưởng ban quản lý, điều hành	0
10	Chia cổ tức bằng tiền mặt (tỷ lệ 0%)	0
11	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau (=6-7-8-9-10)	997.025.705

(Biểu quyết tán thành với % số cổ phần tham dự)

Điều 5. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về chi trả tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và Kế hoạch tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022:

I. Tiền thù lao của HĐQT, BKS năm 2021:

Việc chi trả tiền thù lao của HĐQT, BKS được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, cụ thể như sau:

STT	Tiền thù lao khoán trong năm	Số người	Thành tiền (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm)	01	60.000.000

2	Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm)	04	192.000.000
3	Trưởng ban kiểm soát (kiêm nhiệm)	01	42.000.000
4	Thành viên ban kiểm soát (kiêm nhiệm)	02	72.000.000
	Tổng cộng		366.000.000

II. Kế hoạch tiền thù lao HĐQT, BKS năm 2022:

STT	Tiền thù lao khoán trong năm	Thù lao/người/ tháng (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT (kiêm nhiệm)	5.000.000
2	Thành viên HĐQT (kiêm nhiệm)	4.000.000
3	Trưởng ban kiểm soát (kiêm nhiệm)	3.500.000
4	Thành viên ban kiểm soát (kiêm nhiệm)	3.000.000

(Biểu quyết tán thành với % số cổ phần tham dự)

Điều 6. Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

- Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH kiểm toán và kế toán Hà Nội
- Nội dung kiểm toán: Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022
- Phí kiểm toán: Theo thỏa thuận
- Địa điểm thực hiện: Tại đơn vị.
- Giao cho Giám đốc Công ty ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán theo đúng quy định của Pháp luật.

(Biểu quyết tán thành với % số cổ phần tham dự)

Điều 7. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty căn cứ các nội dung trên triển khai thực hiện theo đúng các Quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty.

Điều 8. Các cổ đông Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc, cá nhân liên quan căn cứ Nghị quyết thực hiện.

Điều 9. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Sông Đà 10.9 được thông qua ngày / /2022 với số phiếu biểu quyết đạt % số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Nơi nhận:

- Như điều 8;
- Website Công ty;
- Lưu TCNS.

**T/M ĐHQĐ CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10.9
CHỦ TỊCH HĐQT**

PHẠM VĂN PHÚ